

Số: 09/BB-THCB

Cát Bi, ngày 12 tháng 03 năm 2025

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai quyết toán thu-chi nguồn ngân sách, nguồn khác
Năm 2024

I/ Thời gian: 9 giờ 30 phút ngày 12 tháng 03 năm 2025

II/ Địa điểm: Văn phòng Trường Tiểu học Cát Bi

III/ Thành phần:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| 1. Đ/C Nguyễn Thị Phương | - Hiệu trưởng |
| 2. Đ/C Hoàng Thị Hạnh Lam | - Chủ tịch công đoàn trường |
| 3. Đ/C Trần Thị Minh Ngọc | - Phó hiệu trưởng |
| 4. Đ/C Nguyễn Thị Hằng | - Trưởng Ban Thanh tra nhân dân |
| 5. Đ/C Vũ Thị Thu Hiền | - Kế toán |
| 6. Bà Vũ Thị Thủy Giang | - Văn thư - Thư ký. |

IV/ Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai của trường Tiểu học Cát Bi, cụ thể như sau:

- Quyết toán thu chi nguồn ngân sách nhà nước, nguồn khác năm 2024.
- 2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 12/03/2025 đến ngày 12/03/2030
- 3. Địa điểm công khai: Cổng thông tin điện tử của Nhà trường.
- 4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để tổng hợp và giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 10 giờ cùng ngày với sự nhất trí của 100% thành viên tham dự.

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH CD

HIỆU TRƯỞNG


Vũ Thị Thủy Giang


Hoàng Thị Hạnh Lam


Nguyễn Thị Phương

NGƯỜI CHỨNG KIẾN 1

NGƯỜI CHỨNG KIẾN 2

NGƯỜI CHỨNG KIẾN 3


Trần Thị Minh Ngọc


Nguyễn Thị Hằng


Vũ Thị Thu Hiền

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán thu – chi nguồn ngân sách, nguồn khác
Năm 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CÁT BI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 3369/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND quận Hải An về việc giao dự toán thu- chi ngân sách năm 2024 cho các phòng, đơn vị, trường học và Ủy ban nhân dân các phường;

Căn cứ số liệu Quyết toán nguồn ngân sách, nguồn khác năm 2024;

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán trường Tiểu học Cát Bi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm 2024 của trường Tiểu học Cát Bi (theo các biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài chính và các đơn vị liên quan thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Phương

Đơn vị: Trường Tiểu học Cát Bi
Chương: 622



Biểu số 4

Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 47/QĐ-THCB ngày 12/12/2023 của Trường TH Cát Bi)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	4.071	4.071			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	4.071	4.071			
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	4.245	4.245			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	4.245	4.245			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN	104	104			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	104	104			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	17.353	17.353	14.415	1.850	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	17.353	17.353	14.415	1.850	



Đơn vị: Trường Tiểu học Cát Bi

Chương: 622

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.740	15.740	14.316	336	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.613	1.613	99	1.514	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
11.2	Chi Chương trình mục tiêu					

Đơn vị: Trường Tiểu học Cát Bi
Chương: 622



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-TH ngày 12/3/24 của Trường TH Cát Bi)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.353	17.353	
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.353	17.353	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.353	17.353	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.740	15.740	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.613	1.613	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			



Đơn vị: Trường Tiểu học Cát Bi

Chương: 622

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			